

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CHĂN NUÔI**

*Tuyên Quang, năm 2020*

## MỤC LỤC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

### 2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào

2.2. Tầm nhìn

2.3. Sứ mạng

2.4. Mục tiêu chiến lược

2.5. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa.....

2.6. Tầm nhìn

2.7. Sứ mạng

2.8. Mục tiêu của chương trình

### 3. CHUẨN ĐẦU RA

### 4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

### 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

5.2. Quy trình đào tạo

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

### 6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

6.2. Cơ sở vật chất

### 7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

### 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá



8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

## 9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

9.3. Nội dung chương trình

9.4. Kế hoạch giảng dạy

9.5. Bản đồ dạy học

9.6. Tóm tắt nội dung học phần

## 10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 12. PHỤ LỤC

12.1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt

12.2. Bộ Đề cương chi tiết học phần

12.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra)

12.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo)

12.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).

# 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Chăn nuôi - Thú y được điều chỉnh năm 2020 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Chăn nuôi - Thú y được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan. Sinh viên học tập tại ngành Chăn nuôi - Thú y được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp, để trở thành một cử nhân có chất lượng cao và đảm bảo công việc trong lĩnh vực.

## 1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Chăn nuôi (Chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y)
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Animal Science and Veterinary Medicine
- Mã ngành đào tạo: **7620105**
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân
- Trình độ đào tạo: **Chính quy**
- Thời gian đào tạo: 04 năm

## 2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH<sup>(\*)</sup>

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

### 2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

#### 2.1.1. Tầm nhìn

TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

#### 2.1.2. Sứ mạng

TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

### *2.1.3. Mục tiêu giáo dục*

Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công.

## *2.2. Tâm nhìn - Sứ mạng của Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp*

2.2.1. Chức năng: Thực hiện việc đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ và làm các dịch vụ đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, hợp tác Quốc tế.

### 2.2.2. Nhiệm vụ:

- Đào tạo các trình độ đại học và cao đẳng với các loại hình đào tạo chính quy, vừa làm, vừa học, liên thông;
- Đào tạo lại, đào tạo nâng cao, liên kết đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức, cán bộ nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế - xã hội tại địa phương;
- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác nhau theo mục tiêu, chương trình giáo dục;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp;
- Xây dựng chương trình biên soạn giáo trình đào tạo các lĩnh vực thuộc Khoa giảng dạy;
- Nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới, từ đó áp dụng vào giảng dạy tốt hơn thông qua việc đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp;

## *2.3. Mục tiêu của chương trình*

- *Mục tiêu chung:*

Đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi - Thú y có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành thành thạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

**- Mục tiêu cụ thể:**

MT1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, giáo dục thể chất, tự nhiên - xã hội.

MT2: Có kiến thức chuyên sâu để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực chăn nuôi thú y. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công nghệ chăn nuôi và bảo vệ sức khỏe vật nuôi.

MT3: Có những kỹ năng về chăn nuôi, thú y để chủ động đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi.

MT4: Có kỹ năng cơ bản về ngoại ngữ, tin học; giao tiếp ứng xử, phối hợp, làm việc nhóm và khả năng thuyết trình.

MT5: Có khả năng học tập không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn; có tinh thần khởi nghiệp; khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có ý thức phục vụ nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ và giải quyết được những vấn đề phát sinh trong công việc.

**3. CHUẨN ĐẦU RA (\*\*)**

- Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

- Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, tin học, ngoại ngữ để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y

- Phân tích được các hiện tượng sinh lý, bệnh lý xảy ra trong cơ thể vật nuôi; tổ chức sản xuất, chế biến bảo quản thức ăn chăn nuôi, chọn và nhân giống vật nuôi

- Đánh giá được các quy trình kỹ thuật chăn nuôi; phòng và trị bệnh cho vật nuôi; sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, đảm bảo an toàn thực phẩm

- Thực hiện thành thạo và hướng dẫn các kỹ thuật trong chăn nuôi, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. Đề xuất cơ cấu các giống vật nuôi phù hợp với các vùng sản xuất nông nghiệp.

- Vận hành được một số máy móc, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn Chăn nuôi - Thú y.

- Thực hiện ứng xử linh hoạt, khéo léo, có khả năng thuyết trình, tự lập nghiệp và đánh giá kết quả công tác chuyên môn của bản thân, đồng nghiệp.

- Sử dụng máy tính, khai thác mạng Internet, phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel, Powerpoint,...) phục vụ công tác chuyên môn. Vận dụng kiến thức giao tiếp tiếng Anh cơ bản để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày.

- Tổ chức việc hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm đối với nhóm về các vấn đề cần giải quyết.

- Lập kế hoạch phân công, quản lí các nguồn lực, tự định hướng để đưa ra và bảo vệ kết luận chuyên môn nhằm cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y.

#### **4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM (\*\*)**

Làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, xí nghiệp... các Cục, viện, trung tâm nghiên cứu. Các chương trình dự án phát triển thuộc lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y. Các cơ quan hành chính sự nghiệp từ cấp xã, phường trở lên. Các cơ sở giáo dục đào tạo: Trung tâm dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học có liên quan đến Chăn nuôi - Thú y.

#### **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP (\*\*)**

##### **5.1. Thông tin tuyển sinh**

Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

##### **5.2. Quy trình đào tạo**

Theo Chương II, chương IV, Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr.

##### **5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng đề nghị xét tốt nghiệp.
- Nộp đầy đủ học phí, kinh phí đào tạo theo quy định của trường;
- Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của trường đối với từng ngành cụ thể.

## **6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY**

### **6.1. *Đội ngũ giảng viên***

Khoa Nông - Lâm ngư nghiệp có 15 giảng viên sinh hoạt chuyên môn tại khoa và 01 chuyên viên trong đó có 02 tiến sĩ 04 nghiên cứu sinh còn lại là thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên của Khoa được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng.

### **6.2. *Cơ sở vật chất***

Khoa Nông - Lâm ngư nghiệp có một khu giảng đường riêng gồm có phòng học và phòng thí nghiệm, các phòng thực hành, thí nghiệm đều có trang thiết bị, máy móc hiện đại phù hợp với từng chuyên ngành phục vụ cho công việc học tập, giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo của giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó còn có Trung tâm thực nghiệm thực hành và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ cho công việc thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên của Khoa.

## **7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP (\*)**

### **7.1. *Các phương pháp dạy học***

Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng



cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

## **7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Có nhiều hình thức hỗ trợ người học trong nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng, thái độ

Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

## **8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ (\*\*)**

### **8.1. Quy trình đánh giá**

Theo Điều 17,18,19, Chương III, Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2209/QĐ-ĐHTT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về Quy định tổ chức thi kết thúc học phần.

### **8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá**

Theo Điều 17,18,19, Chương III, Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2209/QĐ-ĐHTT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về Quy định tổ chức thi kết thúc học phần.

## **9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (\*\*)**

**9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).**

- Kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 83 tín chỉ
- + Kiến thức cơ sở ngành/ngành: 13 tín chỉ
- + Kiến thức ngành: 12 tín chỉ

- + Kiến thức chuyên ngành: 45 tín chỉ
- + Rèn nghề: 5 tín chỉ
- + Thực tập: 8 tín chỉ
- + Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

**9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra										
TT	Mã học phần	Học phần	Kiến thức			Kỹ Năng			Mềm			Năng lực tự chủ và trách nhiệm
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	
<b>A. Kiến thức giáo dục đại cương</b>												
<b>I. Lý luận chính trị</b>												
1	LL2.1.040.3	Triết học Mac - Lênin	3									
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	3									
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3									
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3									
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3									
<b>II. Ngoại ngữ</b>												
6	NN2.1.001.3	Tiếng anh 1		3								3
7	NN2.1.002.3	Tiếng anh 2		3								3
8	NN2.1.003.3	Tiếng anh 3		3								3
<b>III. Tin học</b>												
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		3								3
<b>IV. Khoa học tự nhiên</b>												
10	TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương		3								
11	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê		3								
12	TN2.1.331.3	Hóa học đại cương		2								
13	TN2.1.436.2	Sinh học đại cương		2								
14	TN2.1.250.2	Vật lý đại cương		2					2			1
<b>V. Khoa học xã hội</b>												

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
TT	Mã học phần	Học phần	Kiến thức			Cứng			Mềm			Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			CKĐ1	CKĐ2	CKĐ3	CKĐ4	CKĐ5	CKĐ6	CKĐ7	CKĐ8	CKĐ9		CKĐ10	
15	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	3											
<b>VI. Giáo dục thể chất</b>														
16	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	3											
17	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3											
18	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3											
19	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3											
20	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3											
21	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3											
22	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3											
23	TC3.1.017.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3											
24	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (bơi lội)	3											
25	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	3											
26	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	3											
27	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	3											
28	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	3											
29	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	3											
30	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh2)	3											

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																				
TT	Mã học phần	Học phần	Kiến thức			Kỹ Năng			Miền		Năng lực tự chủ và trách nhiệm											
			CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8		CDR9	CDR10									
31	TC2.1.018.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)																				
32	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (bơi lội)	3																			
<b>VII. Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>																						
33	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	3																			
34	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2	3																			
35	TC2.1.016.3	GDQP – An ninh 3	3																			
36	TC2.1.017.1	GDQP – An ninh 4	3																			
<b>B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																						
<b>I. Kiến thức cơ sở ngành</b>																						
<b>I.1. Kiến thức bắt buộc</b>																						
37	NL2.1.009.2	Vi sinh vật đại cương			2	1	1															
38	TN2.1.407.2	Hóa sinh đại cương			3										2							2
39	NL2.1.005.2	Tổ chức và phối thai học			2			2	1													
40	NL2.1.002.3	Sinh lý học động vật nuôi			3										1							1
<b>I.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong 6 tin chi)</b>																						
41	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp			1																	2
42	NL2.1.001.2	Động vật học			2																	1

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra													
TT	Mã học phần	Học phần	Kiến thức			Cứng			Mềm			Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9		CĐR10		
43	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường		2											
<b>II. Kiến thức ngành</b>															
<b>2.1. Kiến thức bắt buộc</b>															
44	NL2.1.004.3	Giai phẫu vật nuôi			2						1			1	
45	TN2.1.502.3	Tìm học ứng dụng trong nông nghiệp		2									3		
46	NL2.1.006.2	Thức ăn và dinh dưỡng vật nuôi			3			1						1	
47	NL2.1.003.2	Di truyền động vật			3			1						1	
<b>2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 4 tin chỉ)</b>															
48	NL2.1.013.2	Môi trường và con người					2								
49	NL2.1.017.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2							2			1	
<b>III. Kiến thức Chuyên ngành</b>															
<b>3.1. Kiến thức bắt buộc</b>															
50	NL2.1.020.4	Chăn nuôi lợn					3	3	1						
51	NL2.1.021.4	Chăn nuôi gia cầm					3	3	1						
52	NL2.1.028.4	Chăn nuôi trâu bò					3	3	1						
53	NL2.1.012.4	Bệnh truyền nhiễm thú y					3	3						1	
54	NL2.1.011.3	Giống vật nuôi			3			3			1				
55	NL2.1.024.3	Kỹ sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y					3	2							

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
TT	Mã học phần	Học phần	Kiến thức			Kỹ Năng			Mềm		Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10		
56	NL2.1.029.2	Công nghệ sinh sản vật nuôi			3		3	1						
57	NL2.1.008.2	Dược lý học thú y				3	3	1						
58	NL2.1.025.2	Chẩn đoán bệnh gia súc				2	2			1				
59	NL2.1.030.2	Kiểm tra vệ sinh thú y				2	3		1					
60	NL2.1.032.2	Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa				2	3		1					
61	NL2.1.031.2	Bệnh nội khoa gia súc				2	3						1	
<b>3.2. Kiến thức tự chọn (chọn 10 trong 16 tin chi)</b>														
62	NL2.1.019.2	Đồng cỏ và cây thức ăn				3	3		1					
63	NL2.1.033.2	Vệ sinh gia súc				3	1		1					
64	NL2.1.026.2	Dịch tễ học thú y				2	1					1		
65	NL2.1.014.2	Thức ăn gia súc			3				1					
66	NL2.1.015.3	Bệnh lý học thú y				3			1				1	
67	NL2.1.216.2	Bệnh của chó mèo				2	3		1					
68	NL2.1.022.2	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y		2		2							1	
69	NL2.1.035.2	Luật thú y				3			1				1	
<b>IV. Rèn nghề</b>														
70	NL2..1.027.3	Rèn nghề 1: Kỹ năng phòng thí nghiệm và bệnh động vật					3		1				1	
71	NL2.1.037.2	Rèn nghề 2: Kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm					3	3	3				3	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
TT	Mã học phần	Học phần	Kiến thức			Kỹ Năng			Mềm		Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10		
<b>V. Kiến thức bổ trợ</b>														
72	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh									2			2
<b>V. Thực tập</b>														
73	NL2.1.036.4	Thực tập 1: Tiêm phòng chống dịch					2	3	3	1				
74	NL2.1.038.4	Thực tập 2: Thực tập nghề chăn nuôi					3	3	3	1				
<b>VI. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</b>														
75	NL2.1.158.3	Bệnh học thủy sản				2	2	2		1				
76	NL2.1.159.3	Sản khoa và bệnh sản khoa thú y				2	3	3	1					
77	NL2.1.124.2	Khuyến nông		2							2			
78	NL2.1.034.2	Vệ sinh an toàn thực phẩm				3							1	



**9.3. Nội dung chương trình**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
<b>A. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>37</b>					
<b>I. Lý luận chính trị</b>			<b>11</b>	<b>111</b>	<b>54</b>	<b>0</b>		
1	LL2.1.040.3	Triết học Mac - Lênin	3	25	20	0		
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	21	9	0	LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9	0	LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	0	LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	23	7	0	LL2.1.043.2	
<b>II. Ngoại ngữ</b>			<b>9</b>	<b>69</b>	<b>66</b>	<b>0</b>		
6	NN2.1.001.3	Tiếng anh 1	3	23	22	0		
7	NN2.1.002.3	Tiếng anh 2	3	23	22	0	NN2.1.001.3	
8	NN2.1.003.3	Tiếng anh 3	3	23	22	0	NN2.1.002.3	
<b>III. Tin học</b>			<b>2</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>		
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15	0		
<b>IV. Khoa học tự nhiên</b>			<b>13</b>	<b>104</b>	<b>82</b>	<b>20</b>		
10	TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương	3	23	22	0		
11	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	3	23	22	0		
12	TN2.1.331.3	Hóa học đại cương	3	24	13	18		
13	TN2.1.436.2	Sinh học đại	2	18	11	2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
		cương							
14	TN2.1.250.2	Vật lý đại cương	2	16	14	0			
<b>V. Khoa học xã hội</b>			<b>2</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>0</b>			
15	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1	0			
<b>VI. Giáo dục thể chất</b>			<b>7</b>		<b>0</b>				
16	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	6	0	24			
17	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4	0	41			
18	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4	0	41			
19	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4	0	41			
20	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	4	0	41			
21	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	0	43			
22	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	4	0	41			
23	TC3.1.018.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2	3	0	27			
24	TC2.1.020.3	Giáo dục thể	3	4	0	41			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
		chất 2 (bơi lội 1)							
25	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	2	0	28		TC2.1.002.3	
26	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	2	0	28		TC2.1.003.3	
27	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 2)	2	0	0	30		TC2.1.004.3	
28	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	2	0	28		TC2.1.005.3	
29	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	0	28		TC2.1.006.3	
30	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2	0	28		TC2.1.007.3	
31	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2	1	0	29		TC3.1.018.2	
32	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (bơi lội 2)	2	1		29		TC2.1.020.3	
<b>VII. Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>			<b>9</b>	<b>105</b>	<b>0</b>	<b>60</b>			
33	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	3	30	0	0			
34	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2	2	30	0	0		TC2.1.015.2	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
35	TC2.1.016.2	GDQP – An ninh 3	2	30	0	30		TC2.1.016.2	
36	TC2.1.017.2	GDQP – An ninh 4	2	15	0	0		TC2.1.017.2	
<b>B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>83</b>						
<b>I. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>13</b>	<b>142</b>		<b>140</b>			
<b>1.1. Kiến thức bắt buộc</b>			<b>9</b>	<b>91</b>		<b>80</b>			
37	NL2.1.009.2	Vi sinh vật đại cương	2	20		16		TN2.1.405.2	
38	TN2.1.439.2	Hóa sinh đại cương	2	26		4		TN2.1.436.2	
39	NL2.1.005.2	Tổ chức và phát triển động vật	2	15		30		NL2.1.001.2	
40	NL2.1.002.3	Sinh lý học động vật nuôi	3	30		30		TN2.1.405.2	
<b>1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong 6 tín chỉ)</b>			<b>4</b>	<b>51</b>		<b>80</b>			
41	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp	2	15		30			
42	NL2.1.001.2	Động vật học	2	15		30		Không	
43	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường	2	21		20		TN2.1.405.2	
<b>II. Kiến thức ngành</b>			<b>12</b>	<b>108</b>	<b>54</b>	<b>64</b>	<b>6</b>		
<b>2.1. Kiến thức bắt buộc</b>			<b>10</b>	<b>76</b>	<b>44</b>	<b>60</b>	<b>6</b>		
44	NL2.1.004.3	Giải phẫu vật nuôi	3	25		40		NL2.1.001.2	
45	NL2.1.006.2	Thức ăn và dinh dưỡng vật	2	15	10	10		NL2.1.002.3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
		nuôi						
46	NL2.1.010.2	Di truyền động vật	2	21	4	10		NL2.1.002.3
47	TN2.1.502.3	Tin học ứng dụng trong nông nghiệp	3	15	30	0		TN2.1.501.2
<b>2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 4 tín chỉ)</b>			<b>2</b>	<b>32</b>	<b>14</b>	<b>24</b>	<b>6</b>	
48	NL2.1.013.2	Môi trường và con người	2	16		24	6	Không
49	NL2.1.017.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	16	14	0		Không
<b>III. Kiến thức Chuyên ngành</b>			<b>42</b>	<b>452</b>	<b>0</b>	<b>510</b>		
<b>3.1. Kiến thức bắt buộc</b>			<b>34</b>	<b>288</b>	<b>0</b>	<b>408</b>		
50	NL2.1.020.4	Chăn nuôi lợn	4	30		60		NL2.1.014.2 NL2.1.006.2
51	NL2.1.021.4	Chăn nuôi gia cầm	4	30		30		NL2.1.014.2 NL2.1.006.2
52	NL2.1.028.4	Chăn nuôi trâu bò	4	30		60		NL2.1.014.2 NL2.1.006.2
53	NL2.1.012.4	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	30		60		NL2.1.008.2
54	NL2.1.011.3	Giống vật nuôi	3	25		40		NL2.1.003.2
55	NL2.1.024.3	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	25		40		NL2.1.008.2
56	NL2.1.029.2	Công nghệ sinh sản vật nuôi	2	15		30		NL2.1.005.2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận			
57	NL2.1.008.2	Dược lý học thú y	2	20		20		TN2.1.407.2	
58	NL2.1.025.2	Chẩn đoán bệnh gia súc	2	20		20		NL2.1.004.3	
59	NL2.1.030.2	Kiểm tra vệ sinh thú y	2	24		6		NL2.1.012.3	
60	NL2.1.032.2	Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa	2	15		30		NL2.1.029.2	
65	NL2.1.031.2	Bệnh nội khoa gia súc	2	24		12			
<b>3.2. Kiến thức tự chọn (chọn 8 trong 16 tín chỉ)</b>			<b>8</b>	<b>164</b>	<b>20</b>	<b>102</b>			
61	NL2.1.019.2	Đồng cỏ và cây thức ăn	2	20		20			
62	NL2.1.033.2	Vệ sinh gia súc	2	20		20		NL2.1.009.2	
63	NL2.1.026.2	Dịch tễ học thú y	2	30		0			
64	NL2.1.014.2	Thức ăn gia súc	2	15	5	20		NL2.1.006.2	
66	NL2.1.015.2	Bệnh lý học thú y	2	19		22		NL2.1.002.3	
67	NL2.1.216.2	Bệnh của chó mèo	2	15		30		NL2.1.008.3	
68	NL2.1.022.2	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi và thú y	2	15	15			TN2.1.109.3	
69	NL2.1.035.2	Luật thú y	2	30				Không	
<b>IV. Rèn nghề</b>			<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>150</b>			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
70	NL2.1.027.3	Rèn nghề 1: Kỹ năng phòng thí nghiệm và bệnh động vật	3			90		TN2.1.301.3 NL2.1.005.2 NL2.1.024.3 NL2.1.008.2
71	NL2.1.037.2	Rèn nghề 2: Kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm	2			60		NL2.1.021.4 NL2.1.020.4 NL2.1.028.4
<b>V. Kiến thức bổ trợ</b>			<b>3</b>	<b>16</b>	<b>29</b>			
72	KT2.1.148.2	Khởi sự kinh doanh	3	16	29			
<b>VI. Thực tập</b>			<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>360</b>		
73	NL2.1.036.4	Thực tập 1: Tiêm phòng chống dịch	4				180	NL2.1.012.3
74	NL2.1.038.4	Thực tập 2: Thực tập nghề chăn nuôi	4				180	NL2.1.011.3 NL2.1.021.4 NL2.1.020.4 NL2.1.028.4
<b>VII. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	<b>81</b>	<b>9</b>	<b>120</b>		
75	NL2.1.158.3	Bệnh học thủy sản	3	20		50		NL2.1.009.2 NL2.1.008.2
76	NL2.1.159.3	Sản khoa và bệnh sản khoa thú y	3	20		50		NL2.1.009.2 NL2.1.008.2
77	NL2.1.124.2	Khuyến nông	2	21	9			Không
78	NL2.1.034.2	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	20		20		NL2.1.009.2
79	NL2.1.074.10	Khóa luận tốt nghiệp	10				450	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết Kiểm tra	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
<b>Tổng tín chỉ toàn khóa</b> ( <i>Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i> )			13 0	1217	330	1019	816	



9.4. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số tín chỉ	Chia theo năm học - học kỳ													
					Năm I		Năm II		Năm III		Năm IV							
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8						
1	LL2.1.040.3	Triết học Mac - Lênin	Không	3	3													
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	Không	3	3													
3	TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương	Không	3	3													
4	TN2.1.331.3	Hóa học đại cương	Không	3	3													
5	TN2.1.436.2	Sinh học đại cương	Không	2	2													
6	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	Không	2	2													
7	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1*		2	2													
8	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	LL2.1.001.2	2	2													
9	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3	3													
10	TN2.1.250.2	Vật lý đại cương	TN2.1.108.3	2	2													
11	TN2.1.439.2	Hóa sinh đại cương	TN2.1.436.2	2	2													
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	LL2.1.001.2	2	2													
13	TN2.1.109.3	Xác suất - thống kê B	TN2.1.108.3	3	3													
14	NL2.1.002.3	Sinh lý vật nuôi	TN2.1.436.2	3	3													
15	NL2.1.013.2	Môi trường và con người*	Không	2	2													
16	NL2.1.001.2	Động vật học*	Không	2	2													
17	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)*		3	3													
18	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng		3	3													

9M  
AC  
NG  
INA

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số tín chỉ	Chia theo năm học - học kỳ														
					Năm I		Năm II		Năm III		Năm IV								
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8							
		bàn 1)*																	
19	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)*		3	3														
20	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)*		3	3														
21	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)*		3	3														
22	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 1)*		3	3														
23	TC3.1.017.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)*		2	2														
24	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (bơi lội)*		3	3														
25	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		2													
26	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1		2		2													
27	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2		2		2													
28	TC2.1.016.3	GDQP – An ninh 3		4		4													
29	TC2.1.017.3	GDQP – An ninh 4		1		1													
30	NL2.1.009.2	Vi sinh vật đại cương	TN2.1.405.2	2		2													
31	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3		3													
32	NL2.1.004.3	Giải phẫu vật nuôi	NL2.1.001.2	3		3													
33	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp*	NL2.1.124.2	2		2													

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số tín chỉ	Chia theo năm học - học kỳ												
					Năm I		Năm II		Năm III		Năm IV						
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8					
34	NL2.1.017.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*	Không	2			2										
35	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường*	TN2.1.405.2	2			2										
36	NL2.1.003.2	Di truyền động vật	NL2.1.001.2	2			2										
37	NL2.1.005.2	Tổ chức và phối thai động vật	NL2.1.001.2	2			2										
38	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)*		2			2										
39	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)*		2			2										
40	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)*		2			2										
41	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)*		2			2										
42	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)*		2			2										
43	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)*		2			2										
44	TC2.1.018.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)*		2			2										
45	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (bơi lội)		2			2										
46	NL2.1.006.2	Thức ăn và dinh dưỡng vật nuôi	NL2.1.002.3	2											2		
47	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.3	2											2		



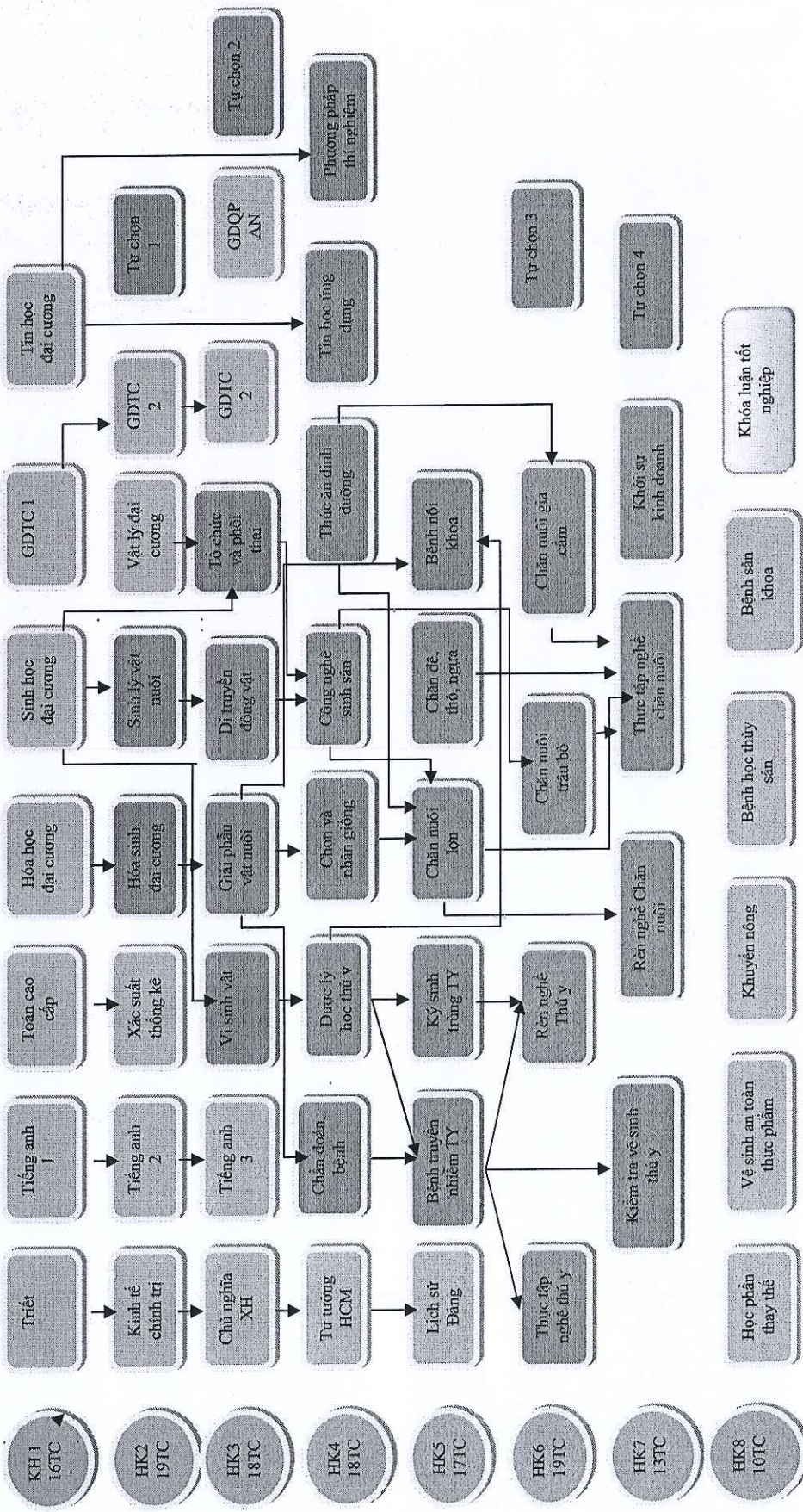
TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số tín chỉ	Chia theo năm học - học kỳ									
					Năm I		Năm II		Năm III		Năm IV			
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8		
48	NL2.1.008.2	Dược lý học thú y	NL2.1.009.2	2			2							
49	NL2.1.025.2	Chẩn đoán bệnh gia súc	NL2.1.004.3	2			2							
50	NL2.1.011.3	Giống vật nuôi	NL2.1.003.2	3				3						
51	TN2.1.502.3	Tin học ứng dụng trong nông nghiệp	TN2.1.501.2	3				3						
52	NL2.1.029.2	Công nghệ sinh sản vật nuôi	NL2.1.005.2	2				2						
53	NL2.1.022.2	Phương pháp thí nghiệm	TN2.1.109.3	2				2						
54	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.003.2	2					2					
55	NL2.1.024.3	Kỹ sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	NL2.1.008.2	3						3				
56	NL2.1.020.4	Chăn nuôi lợn	NL2.1.014.2 NL2.1.006.2	4						4				
57	NL2.1.012.4	Bệnh truyền nhiễm thú y	NL2.1.008.2	4						4				
58	NL2.1.031.2	Bệnh nội khoa gia súc	NL2.1.008.2	4						2				
59	NL2.1.032.2	Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa	NL2.1.014.2 NL2.1.006.2	2						2				
60	NL2.1.021.4	Chăn nuôi gia cầm	NL2.1.006.2	2							4			
61	NL2.1.028.4	Chăn nuôi trâu bò	NL2.1.006.2	4								4		
62	NL2.1.015.2	Bệnh lý học thú y*	NL2.1.002.3	2									2	
63	NL2.1.014.2	Thực ăn gia súc*	NL2.1.006.2	2										2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số tín chỉ	Chia theo năm học - học kỳ									
					Năm I		Năm II		Năm III		Năm IV			
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8		
64	NL2.1.019.2	Đồng cỏ và cây thức ăn*	NL2.1.014.2	2						2				
65	NL2.1.026.2	Dịch tễ học thú y*	NL2.1.009.2	2						2				
66	NL2.1.027.3	Rèn nghề 1: Kỹ năng phòng thí nghiệm và bệnh động vật	TN2.1.301.3 NL2.1.005.2 NL2.1.024.3 NL2.1.008.2	3							3			
67	NL2.1.036.4	Thực tập 1: Tiêm phòng chống dịch	NL2.1.011.3 NL2.1.021.4 NL2.1.020.4 NL2.1.028.4	4							4			
68	NL2.1.030.2	Kiểm tra vệ sinh thú y	NL2.1.012.3	2								2		
69	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	Không	3									3	
70	NL2.1.216.2	Bệnh của chó mèo*	NL2.1.009.2	2									2	
71	NL2.1.035.2	Luật thú y*	Không	2									2	
72	NL2.1.033.2	Vệ sinh gia súc*	NL2.1.009.2										2	
73	NL2.1.037.2	Rèn nghề 2: Kỹ thuật chẩn đoán gia súc, gia cầm	NL2.1.021.4 NL2.1.020.4 NL2.1.028.4 NL2.1.029.2	2									2	

11/9/2023

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số tín chỉ	Chia theo năm học - học kỳ													
					Năm I		Năm II		Năm III		Năm IV							
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8						
74	NL2.1.038.4	Thực tập 2: Thực tập nghề chăn nuôi	NL2.1.011.3 NL2.1.021.4 NL2.1.020.4 NL2.1.028.4	4								4						
75	NL2.1.158.3	Bệnh học thủy sản	NL2.1.009.2 NL2.1.008.2	3													3	
76	NL2.1.159.3	Sản khoa và bệnh sản khoa thú y	NL2.1.009.2 NL2.1.008.2	3													3	
77	NL2.1.124.2	Khuyến nông	Không	2													2	
78	NL2.1.034.2	Vệ sinh an toàn thực phẩm	NL2.1.009.2	2													2	
79	NL2.1.074.10	Khóa luận tốt nghiệp		10													10	
		<b>Tổng</b>		<b>130</b>													<b>13</b>	<b>10</b>

**9.4. Bản đồ chương trình dạy học**



**Ghi chú:**

- Kiến thức giáo dục đại cương
- Kiến thức cs ngành
- Kiến thức chuyên ngành
- Kiến thức bổ trợ
- Học phân thay thế
- Khóa luận tốt nghiệp



## **9.6. Mô tả nội dung các học phần**

### **9.6.1. Triết học Mác – Lênin (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, giúp người học có cái nhìn tổng quan về Triết học Mác - Lênin. Hiểu được quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

### **9.6.2. Kinh tế chính trị học Mác – Lênin (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền; học phần cung cấp cho người học kiến thức về Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để trên cơ sở đó, người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá các hiện tượng kinh tế chính trị.

### **9.6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về CNXH Khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn CNXH trên thế giới và trong nước.

### **9.6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.





### **9.6.5. Lịch sử Đảng Cộng Việt Nam (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.

### **9.6.6. Tiếng Anh 1 (3 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

### **9.6.7. Tiếng Anh 2 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh .

### **9.6.8. Tiếng Anh 3 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,...

Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thi hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, ... ; Cung cấp cho người học luyện các kỹ năng tiếng Anh và thực hành làm các bài thi dạng A2.

### **9.6.9. Tin học đại cương (2 TC)**

Học phần này gồm các kiến thức cơ bản về máy tính: trang bị cho người học một số khái niệm và hiểu biết cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành. Phần mềm ứng dụng: người học làm quen với phần mềm

soạn thảo văn bản được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay – MS Word, ngoài ra người học có thể sử dụng bảng tính MS Excel để tính toán và cuối cùng biết thiết kế những trang trình chiếu cơ bản với MS Powerpoint. Mạng máy tính và Internet: mang đến cho người học kiến thức về mạng máy tính, cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị cần thiết trong mạng máy tính, kết nối Internet và sử dụng một số ứng dụng cơ bản trên Internet.

#### **9.6.10. Toán cao cấp đại cương (3 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này gồm các kiến thức cơ bản: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân, phép tính tích phân, đại cương về chuỗi, phương trình vi phân.

#### **9.6.11. Xác suất – Thống kê (3 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp đại cương

Học phần này gồm các kiến thức cơ bản: Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan

#### **9.6.12. Hóa đại cương (3 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học gồm các kiến thức cơ bản về: Cấu tạo chất. Những khái niệm cơ bản về nhiệt hóa học. Cân bằng hóa học. Tốc độ phản ứng. Dung dịch. Điện hóa. Thực hành.

#### **9.6.13. Sinh học đại cương (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Tổng quan về tổ chức cấu tạo của cơ thể sống, quá trình trao đổi chất và năng lượng của tế bào. Cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử và tế bào. Các quy luật di truyền và quá trình tiến hóa của sinh giới.

#### **9.6.14. Vật lý đại cương (2 TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này gồm các kiến thức cơ bản về: cơ học chất điểm, cơ học hệ chất điểm và vật rắn, những cơ sở của thuyết động học phân tử khí lí tưởng, trường tĩnh điện, vật dẫn điện môi, dòng điện không đổi.

### **9.6.15. Pháp luật đại cương**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần Pháp luật đại cương gồm các kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

### **9.6.16. Giáo dục thể chất 1 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Kỹ thuật bơi ếch: Tư thế thân người, kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác chân phối hợp với thở, kỹ thuật động tác tay, phối hợp hoàn chỉnh kỹ thuật

### **9.6.17. Giáo dục thể chất 2- Bóng đá 1 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá; Đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện; Một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá; Phương pháp giảng dạy bóng đá cho người học chuyên ngành; Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho người học chuyên ngành.

### **9.6.18. Giáo dục thể chất 2- Bóng bàn 1 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng bàn; Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng; Kỹ thuật lúp bóng thuận tay; Kỹ thuật vọt nhanh thuận tay; Kỹ thuật lúp bóng trái tay; Kỹ thuật vọt nhanh trái; Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay

### **9.6.19. Giáo dục thể chất 2- Bóng chuyên 1 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng chuyên; Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyên; Kỹ thuật các động tác môn bóng chuyên.

### **9.6.20. Giáo dục thể chất 2- Cầu lông 1 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 1

Học gồm các kiến thức cơ bản về: Lịch sử phát triển môn cầu lông; Quá trình phát triển của môn cầu lông; Nguyên lý kỹ thuật cầu lông; Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; Kỹ thuật di chuyển trong cầu lông; Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái); Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải, bên trái; Kỹ thuật đập cầu thuận tay.

#### **9.6.21. Giáo dục thể chất 2- Võ thuật 1 (3 TC)**

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ VoViNam; Kỹ thuật môn võ VoViNam..

#### **9.6.22. Giáo dục thể chất 2- Điền kinh 1 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Chạy cự ly ngắn; Chạy cự ly trung bình; Nhảy cao; Nhảy xa.

#### **9.6.23. Giáo dục thể chất 2- Bóng rổ 1 (2TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 1

Học phần gồm về các kiến thức về kỹ thuật môn bóng rổ

#### **9.6.24. Giáo dục thể chất 2- Bơi (3TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Khái niệm môn bơi lội; Sơ lược lịch sử bơi lội; Tác dụng của môn bơi lội; Kỹ thuật bơi ếch; Kỹ thuật bơi trườn sấp.

#### **9.6.25. Giáo dục thể chất 3- Bóng đá 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; chiến thuật nâng cao trong bóng đá; Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho người học.

#### **9.6.26. Giáo dục thể chất 3- Bóng bàn 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn; Kỹ thuật vọt nhanh thuận tay; Kỹ thuật vọt nhanh trái; Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay; Kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay; Kỹ thuật phát bóng.

#### **9.6.27. Giáo dục thể chất 3- Bóng chuyền 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền; Chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền; Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

**9.6.28. Giáo dục thể chất 3- Cầu lông 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); Kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu; Kỹ thuật đập cầu; Kỹ thuật đánh cầu gần lưới; Chiến thuật thi đấu đơn; Chiến thuật thi đấu đôi.

**9.6.29. Giáo dục thể chất 3- Võ thuật 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vôvinaam; Kỹ thuật môn võ VoViNam

**9.6.30. Giáo dục thể chất 3- Điền kinh 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Nguyên lý kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa, các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa và một số điều luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa, qua đó đảm bảo được công tác chuyên môn sau khi các em ra trường.

**9.6.31. Giáo dục thể chất 3- Bóng rổ 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về những kỹ - chiến thuật bóng rổ.

**9.6.32. Giáo dục thể chất 3- Bơi (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục thể chất 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về kỹ thuật bơi trườn sấp

**9.6.33. Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng

HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

#### **9.6.34. Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN; Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

#### **9.6.35. Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tù người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

#### **9.6.36. Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về :Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bãi, tù người trong chiến đấu tấn công, phòng ngự, canh gác

#### **9.6.37. Vi sinh vật đại cương (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh học đại cương.

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Hình thái và cấu tạo của vi sinh vật; sinh lý học vi sinh vật; di truyền học vi khuẩn; virus; ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đối với vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên.

#### **9.6.38. Hóa sinh đại cương (2TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh học đại cương

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về cấu tạo, thành phần hoá học, tính chất lý hóa và quá trình trao đổi của các chất trong tế bào và cơ thể sống như: protein, nucleic axit, carbohydrate, lipid, vitamin, enzyme... Mối liên quan tương hỗ giữa sự trao đổi các chất đó giúp cơ thể sinh vật thích ứng với môi trường.

#### **9.6.39. Tổ chức và phôi thai động vật (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Hóa sinh đại cương

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Cấu tạo vi thể, chức năng của các tổ chức, mô bào, tế bào cơ thể động vật; tổ chức liên kết, biểu mô, tổ chức tiêu hoá, hô hấp, thần kinh, mạch quản, huyết học, tiết niệu sinh dục; các giai đoạn phát triển của phôi thai gia súc, gia cầm.

#### **9.6.40. Sinh lý học động vật nuôi (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh học đại cương

Học phần Học phần gồm các kiến thức cơ bản các kiến thức về: Sinh lý hưng phấn, sinh lý cơ-thần kinh, sinh lý thần kinh trung ương, stress và sinh lý thích nghi. Sinh lý tim và tuần hoàn máu, nội tiết, bài tiết, hô hấp, tiêu hoá và hấp thu, bài tiết. Điều hoà trao đổi chất và năng lượng, sinh lý sinh sản, sinh lý tiết sữa.

#### **9.6.41. Hệ thống nông nghiệp (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần hệ thống nông nghiệp Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về hệ thống nông nghiệp, hộ nông dân, trang trại nông hộ, ứng dụng một số phương pháp đánh giá nhanh nông thôn, thử nghiệm và mở rộng kết quả sản xuất.

#### **9.6.42. Động vật học (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh học đại cương

DÂN  
TR  
ĐA  
TÁ  
17

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về: Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Tổ chức và hệ thống động vật; động vật đơn bào; động vật không xương sống; động vật có xương sống; các dạng hoạt động sống chung của các động vật.

#### **9.6.43. Sinh thái môi trường (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh học đại cương

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về sinh thái học: Mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường với các cấp độ của tổ chức sống (cá thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái); về tài nguyên môi trường: các chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Những kiến thức này làm cơ sở cho việc bảo vệ và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên.

#### **9.6.44. Giải phẫu vật nuôi (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh lý học động vật nuôi

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Cấu tạo cơ thể của các loại gia súc và gia cầm hình thái, cấu tạo và vị trí của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể.

#### **9.6.45. Thức ăn và dinh dưỡng vật nuôi (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh lý học động vật nuôi

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về: Dinh dưỡng nước, dinh dưỡng vitamin, dinh dưỡng khoáng; dinh dưỡng năng lượng, dinh dưỡng protein và axit amin; các chất kháng dinh dưỡng; các hệ thống đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn; nhu cầu dinh dưỡng, thu nhận thức ăn và tiêu chuẩn khẩu phần.

#### **9.6.46. Di truyền động vật (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh lý học động vật nuôi

Học phần Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Di truyền cơ bản; di truyền phân tử; di truyền miễn dịch; di truyền dị tật; di truyền quần thể và di truyền số lượng.

#### **9.6.47. Tin học ứng dụng trong nông nghiệp (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Tin học đại cương.

Học phần gồm các kiến thức về: Xử lý số liệu bằng phần mềm MS Excel: trang bị cho người học kiến thức về các hàm thống kê và cách xử lý số liệu trong Excel. Phần mềm ứng dụng: trang bị cho người học những kiến thức liên quan đến phần mềm thống kê, xử lý dữ liệu trong nông nghiệp như Irristat, Minitab.



#### **9.6.48. Môi trường và con người (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về môi trường; tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên; mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và con người; sự gia tăng dân số quá mức cùng với các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người đã dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường. Tìm hiểu một số vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt Nam; phương hướng giải quyết và chương trình hành động bảo vệ môi trường trên quy mô toàn cầu và ở Việt Nam; những giải pháp thích hợp để đạt tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong phát triển bền vững.

#### **9.6.49. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần này gồm các kiến thức về: Khoa học; đại cương về nghiên cứu khoa học; trình tự lôgic của nghiên cứu khoa học; thu thập và xử lý thông tin; trình bày luận điểm khoa học; tổ chức thực hiện đề tài; đạo đức khoa học; đánh giá nghiên cứu khoa học..

#### **9.6.50. Chăn nuôi lợn (4 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Thức ăn và dinh dưỡng gia súc

Học phần gồm các kiến thức về: Tổng quan về chăn nuôi lợn; nguồn gốc và đặc điểm của các giống lợn phổ biến; công tác giống lợn; kỹ thuật chăn nuôi lợn đực giống, lợn cái sinh sản, lợn con và lợn thịt.

#### **9.6.51. Chăn nuôi gia cầm (4 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** : Thức ăn và dinh dưỡng gia súc

Học phần gồm các kiến thức về: Tổng quan về chăn nuôi gia cầm. Nguồn gốc và đặc điểm của các giống gia cầm phổ biến. Công tác giống gia cầm. Trứng và kỹ thuật ấp trứng. Kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm.

#### **9.6.52. Chăn nuôi trâu bò (4TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Thức ăn và dinh dưỡng gia súc.

Học phần gồm các kiến thức về: Tổng quan về chăn nuôi trâu bò; nguồn gốc và đặc điểm của các giống trâu bò phổ biến; công tác giống trâu bò; đặc điểm dinh dưỡng gia súc nhai lại; kỹ thuật chăn nuôi trâu bò đực giống, trâu bò cái sinh sản, bê nghé, trâu bò sữa, thịt và cày kéo.

### **9.6.53. Bệnh truyền nhiễm thú y (4TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Dược lý học thú y

Học phần gồm các kiến thức về: Các bệnh truyền nhiễm chủ yếu thường gặp ở gia súc, gia cầm, động vật hoang dã và động vật cảnh; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng bệnh tích, các biện pháp chẩn đoán và phòng trị.

### **9.6.54. Giống vật nuôi (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Di truyền động vật

Học phần gồm các kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm chung các giống vật nuôi; các tính trạng chọn lọc; hệ phổ, quan hệ di truyền; mối quan hệ giữa hiệu quả (response) chọn lọc, li sai chọn lọc, cường độ chọn lọc; giá trị giống và các phương pháp ước tính giá trị giống; các phương pháp chọn lọc vật giống; các phương pháp nhân giống; chương trình giống và tổ chức công tác giống.

### **9.6.55. Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Dược lý học thú y

Học phần gồm các kiến thức về: Nguyên lý cơ bản của ký sinh trùng học và bệnh ký sinh trùng thú y, những phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng trừ; cơ sở sinh học của ký sinh trùng, bệnh ký sinh trùng, đại cương về giun sán ký sinh.

### **14.56. Công nghệ sinh sản vật nuôi (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Tổ chức và phôi thai động vật

Học phần gồm các kiến thức về: Sinh lý sinh dục đực, sinh lý sinh dục cái; kỹ thuật khai thác tinh dịch; kỹ thuật kiểm tra phẩm chất tinh dịch; kỹ thuật pha chế và bảo tồn tinh dịch; thụ tinh nhân tạo; cấy truyền phôi; giới thiệu một số công nghệ sinh sản khác trong chăn nuôi.

### **9.6.57. Dược lý học thú y (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Vi sinh vật đại cương

Học phần gồm các kiến thức về: Dược lý học; các quá trình dược động học, cơ chế tác dụng của thuốc; thuốc tác dụng ưu tiên trên các hệ cơ quan của cơ thể (hệ thần kinh trung ương, hệ thần kinh thực vật, ngọn dây thần kinh cảm giác, hệ tim mạch, máu, hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, tiết niệu và sinh dục); thuốc tác dụng chuyển hoá, kích thích sinh trưởng; thuốc chống vi trùng, ký sinh trùng.

### **9.6.58. Chẩn đoán bệnh gia súc (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Giải phẫu vật nuôi.

Học phần gồm các kiến thức về: Chẩn đoán bệnh; phương pháp kiểm tra lâm sàng; kiểm tra các cơ quan trong xoang ngực, xoang bụng; kiểm tra hệ thống tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, thần kinh; kỹ thuật xét nghiệm phi lâm sàng: máu, nước tiểu.

#### **9.6.59. Kiểm tra vệ sinh thú y (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Bệnh truyền nhiễm thú y.

Học phần gồm các kiến thức về: Kỹ thuật kiểm tra vệ sinh thú y động vật trước và sau khi giết mổ, kiểm tra sản phẩm động vật; kiểm soát sát sinh và kiểm dịch động vật

#### **9.6.60. Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Công nghệ sinh sản vật nuôi

Học phần gồm các kiến thức về: Tầm quan trọng, ý nghĩa kinh tế và sinh thái của chăn nuôi dê, thỏ; tình hình chăn nuôi dê, thỏ trong nước và trên thế giới; các kiến thức về giống, dinh dưỡng cho dê, thỏ; cơ sở khoa học và các kỹ thuật nuôi dưỡng và sử dụng dê sữa, dê thịt và thỏ; Đặc điểm sinh học của ngựa; giới thiệu một số giống ngựa; kỹ thuật chăn nuôi ngựa; một số sản phẩm quý hiếm từ ngựa.

#### **9.6.61. Đồng cỏ và cây thức ăn (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Thức ăn và dinh dưỡng gia súc.

Học phần gồm các kiến thức về: Khái quát về đồng cỏ và đặc tính các thực vật chính trên đồng cỏ Việt Nam; Các yếu tố tác động đến đồng cỏ, điều tra phân loại đồng cỏ; Các loại phân bón; Cải tạo đồng cỏ; Trồng cỏ; Quản lý và sử dụng đồng cỏ; Kết hợp chăn nuôi, trồng trọt trên đất dốc; Gieo trồng một số cây thức ăn xanh cho lợn; Chế biến và dự trữ cỏ.

#### **9.6.62. Vệ sinh gia súc (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Chăn nuôi lợn.

Học phần gồm các kiến thức về: Vệ sinh môi trường không khí trong chăn nuôi; vệ sinh môi trường đất trong chăn nuôi; vệ sinh môi trường nước trong chăn nuôi; vệ sinh chuồng trại; vệ sinh thức ăn chăn nuôi; vệ sinh chăn thả và vận chuyển gia súc; vệ sinh đối với từng loại gia súc; vệ sinh chất thải trong chăn nuôi và công tác phòng dịch bệnh.

### **9.6.63. Dịch tễ học thú y (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Bệnh truyền nhiễm thú y

Học phần gồm các kiến thức về: Nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học ứng dụng trong điều tra, phòng và khống chế dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.

### **9.6.64. Thức ăn gia súc (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Thức ăn và dinh dưỡng gia súc

Học phần gồm các kiến thức về: giá trị dinh dưỡng, sử dụng các nhóm thức ăn thô xanh, rế củ, hạt ngũ cốc và phụ phẩm, hạt đậu và khô dầu, thức ăn nguồn gốc động vật; chế biến, bảo quản dự trữ thức ăn thô xanh, thức ăn hạt; thức ăn hỗn hợp – công nghệ sản xuất và đánh giá chất lượng.

### **9.6.65. Bệnh nội khoa thú gia súc (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Dược lý học thú y.

Học phần gồm các kiến thức về: Nguyên lý điều trị học thú y; bệnh ở các hệ thống tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, cơ quan tạo máu, tiết niệu, thần kinh, nội tiết; trúng độc và bệnh ở gia súc non; thực hành điều trị bệnh nội khoa.

### **9.6.66. Bệnh lý học thú y (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh lý học động vật nuôi.

Học phần gồm các kiến thức về: sinh lý bệnh; viêm; rối loạn chuyển hoá các chất; rối loạn điều hoà thân nhiệt; rối loạn hệ thống máu; sinh lý bệnh hệ thống tuần hoàn, tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, nội tiết, gan; tổn thương cơ bản ở tế bào, mô; thoái hoá mô; viêm và điều trị vết thương; bệnh lý học các cơ quan hệ thống: hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, sinh dục, cơ, xương, hệ thần kinh, các cơ quan nội tiết; bệnh lý học các bệnh vi khuẩn, virus, nấm, ký sinh trùng, độc chất, thiếu dinh dưỡng

### **9.6.67. Bệnh của chó mèo (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Dược lý học thú y

Học phần này gồm các kiến thức về: Một số bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng, nội khoa, sản khoa ở chó, mèo.

### **9.6.68. Phương pháp thí nghiệm trong Chăn nuôi thú y (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Xác suất- Thống kê

Học phần gồm các kiến thức về: Khái niệm về vấn đề nghiên cứu trong ngành chăn nuôi – thú y; những nguyên tắc cơ bản để bố trí một thí nghiệm ngành chăn nuôi thú y; phương pháp bố trí các công thức thí nghiệm; các giai đoạn trong quá trình nghiên cứu một đề tài khoa học, khóa luận tốt nghiệp; một số khái niệm và các tham số thống kê sinh vật học thường gặp; so sánh giữa các mẫu (kiểm định giả thiết); tương quan và hồi quy; bài tập thực hành và ứng dụng minitab.

#### **9.6.69. Luật thú y (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Bệnh truyền nhiễm Thú y

Học phần gồm: Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; Quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; Hành nghề thú y; Thanh tra, giải quyết tranh chấp.

#### **9.6.70. Rèn nghề 1: Kỹ năng phòng thí nghiệm và bệnh động vật (3TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y, Bệnh truyền nhiễm Thú y

Học phần này vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện được tay nghề, thành thạo các kỹ năng phòng thí nghiệm và bệnh động vật

#### **9.6.71. Rèn nghề 2: Kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm (2TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Chăn nuôi lợn, Chăn nuôi trâu bò, Chăn nuôi gia cầm

Học phần này vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện được tay nghề, thành thạo kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gia súc, gia cầm

#### **9.6.72: Khởi sự kinh doanh (3TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết định sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết đưa doanh nghiệp phát triển.

#### **9.6.73. Thực tập tiêm phòng chống dịch (4 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Bệnh truyền nhiễm thú y

Học phần này vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện được tay nghề, thành thạo các kỹ năng tiêm phòng chống dịch cho vật nuôi

#### **9.6.74. Thực tập nghề chăn nuôi (4 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Chăn nuôi lợn, Chăn nuôi trâu bò, Chăn nuôi gia cầm.

Tham quan, học tập tại các trại chăn nuôi trâu, bò, gia cầm trong và ngoài tỉnh. Giúp người học vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tiễn chăn nuôi tại các trang trại

#### **9.6.75. Bệnh học Thủy sản (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Dược lý học thú y.

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về tổng quan về bệnh học thủy sản, Bệnh truyền nhiễm và bệnh ký sinh trùng trên động vật thủy sản.

#### **9.6.76. Sản khoa và bệnh sản khoa thú y (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Dược lý học thú y.

Học phần gồm các kiến thức về giải phẫu và sinh lý cơ quan sinh dục của gia súc; hiểu được quá trình thụ thai, mang thai và sinh đẻ; Những bệnh trong thời gian gia súc có thai, sinh đẻ và sau đẻ; các bệnh đẻ khó, bệnh tuyến vú và hiện tượng không sinh sản.

#### **9.6.77. Khuyến nông (3 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần gồm các kiến thức về khuyến nông, tổ chức và hoạt động của khuyến nông, đặc điểm nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, phương pháp đào tạo cho người lớn tuổi, kỹ năng và phương pháp khuyến nông, sử dụng thành thạo các công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân. Thành thạo chuyên giao kỹ thuật cho nông dân, yêu thích môn học, tích cực học tập, nghiên cứu; chủ động tìm hiểu vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn

#### **9.6.78. Vệ sinh an toàn thực phẩm (2 TC)**

**Điều kiện tiên quyết:** Vi sinh vật đại cương.

Học phần gồm các kiến thức về: Đại cương về vệ sinh an toàn thực phẩm; ngộ độc thực phẩm; bệnh nhiễm khuẩn thực phẩm; vệ sinh ăn uống công cộng; hoạt động quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm; hệ thống tiêu chuẩn hóa

#### **9.6.79. Khóa luận tốt nghiệp (10 TC)**

Người học có thể thực hiện một trong các hướng đề tài nghiên cứu như: Các điều tra, nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá... về các kỹ thuật, quy trình Chăn nuôi, các bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng trong Thú y.

## 10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi - Thú y đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo với các trường đại học trong và ngoài nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo gồm có:

\* Quốc tế

- Trường Đại học Đông Nam Philippin

\* Việt Nam

- Trường Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Trong quá trình đối sánh cho thấy khối lượng kiến thức và số học phần trong chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi, chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y (đại học, chính quy, tín chỉ) do Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp trường Đại học Tân Trào xây dựng hiện đang xây dựng so với các chương trình đào tạo của các trường Đại học khác cho thấy: chương trình đào tạo của trường ĐH Tân Trào là hoàn toàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của xã hội và Bộ GD - ĐT.

## 11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi - Thú y đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.

Tuyên Quang, ngày      tháng      năm

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**



**PGS.TS Nguyễn Bá Đức**

**TS. Vi Xuân Học**

Ghi chú:

(\*) Tham khảo

(\*\*) Viết theo bản Chương trình đào tạo